

# CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHẬN TÂM VIỆT

# MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2-4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5-6
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	7-43
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	7-10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2023	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2023	12-13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023	14-43



**BẢO CAO CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Vinam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày bảo cáo của mình cùng với Bảo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

**Khai quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Vinam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102174005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 20 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 20 được cấp ngày 28 tháng 09 năm 2023.

*Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 20: 296.999.910.000 đồng  
Vốn thực góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 296.999.910.000 đồng*

***Trụ sở hoạt động:***

**Địa chỉ** : Tầng 1, Lô BTS - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Hiệp, Phường Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam.

**Điện thoại** : 0243.6343085  
**Fax** : 0243.5626613  
**Mã số thuế** : 0102174005

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty được trình bày trong Bảo cáo tài chính hợp nhất đính kèm bảo cáo này (từ trang 07 đến trang 43).

**Sự kiện phát sinh trong và sau ngày kết thúc năm tài chính**

Nhận biết sự phát sinh chung của xã hội, cũng như xu hướng phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế, nhu cầu nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe định kỳ tại Việt Nam ngày càng cao, năm 2024, Công ty Cổ phần Vinam (CVN) thay đổi các hoạt động chiến lược chuyển đổi từ ngành hàng thực phẩm chuyển hướng kinh doanh sang tập trung vào phát triển các trung tâm xét nghiệm, trung tâm tiêm và truyền dịch. Xem xét tới ưu, cơ cấu lại các dự án không đạt hiệu quả, tập trung tới đa nguồn lực cho những dự án tiềm năng đã triển khai. Công ty hợp tác cùng các đối tác triển khai mạnh mẽ hệ thống các phòng khám xét nghiệm với các trang thiết bị đa dạng như: xét nghiệm huyết học, sinh hóa, miễn dịch, tầm soát ung thư, chuẩn đoán sinh sớm ..., cung cấp các dịch vụ trung và cao cấp cho những khách hàng có mong muốn chăm sóc sức khỏe chủ động. Thiết kế các sản phẩm để tiếp cận, đa dạng đáp ứng mọi nhu cầu, mức giá hợp lý, hiện hữu ở khắp mọi nơi, sử dụng công nghệ 4.0 để đưa dịch vụ đến gần hơn với khách hàng. Văn đề này cũng đã được thông qua tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không còn sự kiện nào khác xảy ra cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo**

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Lãnh đạo của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Chủ tịch	Thành viên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày	Miễn nhiệm ngày
Ông Takishita Akira					30/10/2024	30/10/2024
Bà Lê Văn Tuấn						
Ông Lê Văn Mạnh						
Ông Đặng Việt Thăng						

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Trưởng ban	Thành viên	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thuong				
Bà Ngô Thị Tâm				
Bà Trần Thị Duyên				

**Ban Lãnh đạo**

Họ và tên	Chức vụ	Giám đốc	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày	Miễn nhiệm ngày
Ông Lê Văn Mạnh				15/09/2023	15/09/2023
Ông Đặng Việt Thăng					

**Kế toán trưởng**

Họ và tên	Bà Bùi Thị Trang	Ông Phạm Xuân Lăng
Bổ nhiệm ngày	14/08/2025	14/08/2025
Miễn nhiệm ngày		

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**Xác nhận của Ban Lãnh đạo**

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Bảo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Bảo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Bảo cáo tài chính hợp nhất.

**Cam kết khác**

Do một số nguyên nhân khách quan, Công ty chưa thực hiện nghĩa vụ công bố Bảo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi công ty Kiểm toán theo thời hạn quy định nên Cổ phiếu của Công ty bị đưa vào diện đình chỉ giao dịch theo Quyết định số 982/QĐ-SGDHN ngày 13 tháng 19 năm 2024 và đưa vào diện hạn chế giao dịch theo Quyết định số 1266/QĐ-SGDHN ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Công ty Cam kết thực hiện nghĩa vụ ngay sau khi phát hành Bảo cáo này kèm theo Bảo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán.

Ngoài vấn đề nêu trên, Ban Lãnh đạo cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2025

Thay mặt Ban Lãnh đạo,

**Giám đốc**



**Lê Văn Mạnh**

## BẢO CẠO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### Về Bảo cáo tài chính hợp nhất năm 2023

Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Vinam

Chúng tôi đã kiểm toán Bảo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vinam, được lập ngày 21 tháng 10 năm 2025 từ trang 07 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Vinam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán. Số dư các khoản mục này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 là: tiền mặt 6.455.540.359 đồng (tài 01/01/2023: 12.720.024.944 đồng), hàng tồn kho 43.178.975.106 đồng (tài 01/01/2023: 35.771.248.592 đồng). Vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đầy đủ của tiền mặt và hàng tồn kho tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023.

- Công ty đã thực hiện đầu tư và lập đặt các máy móc thiết bị, hệ thống phần mềm lưu trữ và truyền tải hình ảnh y khoa RIS-PACS theo các hợp đồng cho thuê, hợp tác liên kết với các bệnh viện, trung tâm y tế với chi phí đầu tư đến thời điểm 31/12/2023 là 9.048.963.865 VND. Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê các máy móc thiết bị này, đồng thời không thu thập được thủ xác nhận về việc đặt máy với các bệnh viện. Việc hợp tác kinh doanh này đến hiện tại chưa được triển khai. Bảng các thủ tục kiểm toán áp dụng, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các tài sản, tính khả thi của

Trụ Sở Chính:

Tầng 2, tòa nhà Platinum Residences, số 6 Nguyễn Công Hoan,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

[F] (84-24) 3761 5599  
[E] vpa@ntv.vn

[W] www.vpaudit.vn



dự án hợp tác kinh doanh cũng như hiệu quả kinh tế mà các dự án có thể mang lại cho Công ty.

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị đầu tư vào “dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng thực hiện sản xuất thực phẩm và thực phẩm chức năng” là 398.528.182 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, dự án sẽ hoàn thành và đi vào hoạt động trong năm 2021. Đến thời điểm hiện tại, dự án chưa hoàn thành và đang tạm dừng. Bằng các thủ tục kiểm toán áp dụng, Chúng tôi chưa đánh giá được về tính khả thi cũng như quả kinh tế của dự án có thể mang lại cho Công ty.

- Công ty xác định hoạt động sản xuất phần mềm của Công ty Cổ phần Sản xuất Phần mềm Vinam (Công ty con) là hoạt động được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định hiện hành. Bằng các thủ tục kiểm toán áp dụng chúng tôi chưa thu thập đủ các tài liệu chứng minh Công ty Cổ phần Phần mềm Vinam có đủ điều kiện được áp dụng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp hay không, do đó chúng tôi chưa đủ cơ sở hợp lý cho việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh cũng như ảnh hưởng của chúng đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**Y kiểm kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến chung tôi, ngoài từ ảnh hưởng của văn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoài tư”, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vinam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Vinam đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác đưa ra ý kiến ngoài trừ về việc Công ty đang áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất phần mềm của Công ty Cổ phần sản xuất phần mềm Vinam (Công ty con). Văn đề này tiếp tục ảnh hưởng báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Dòng thời báo cáo kiểm toán năm 2022 có các vấn đề nhân mạnh sau:

- + Tài báo cáo kiểm toán năm 2022, hợp đồng liên quan đến các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn nhằm mục đích mua máy móc, phần mềm, thiết bị Y tế phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn chưa thực hiện xong. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, do quá hạn thời gian cung cấp máy, các bên đã đi đến hủy hợp đồng và hoàn trả lại tiền. Công ty đã thu hồi lại toàn bộ số tiền đã ứng trên.
- + Tài báo cáo năm 2022, kiểm toán viên nhân mạnh về việc Hàng tồn kho là phần mềm chuyên dùng phục vụ hoạt động ngân hàng y tế đã được tiêu thụ một phần trong năm 2022 và dự kiến tiếp tục tiêu thụ trong năm 2023. Đến ngày 03/11/2023 toàn bộ hàng tồn kho nêu trên đã được tiêu thụ hết.
- + Tài sản dở dang của công ty đang trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị tại các Phòng khám Nguyễn Thái Sơn, phòng khám Thanh Sơn và phòng khám Ba Đình chưa đi vào hoạt động. Đến thời điểm hiện tại công ty đã thoái vốn đầu tư tại các phòng khám này.

Số liệu so sánh trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được điều chỉnh (chi tiết xem thuyết minh số VII.8).

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN VIỆT

**Phó Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

Phạm Văn Tuấn  
GCNĐKKHNKT số: 4497-2023-124-1

Nguyễn Văn Tân  
GCNĐKHNKT số: 5348-2025-124-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tài ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã	Số	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGÂN HẠN						
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1		6.886.379.341	90.281.015.044
1.	Tiền	111			6.886.379.341	90.281.015.044
2.	Các khoản tương đương tiền	112			-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			20.000.000.000	39.713
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a		35.799.713	35.799.713
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a		(35.799.713)	(35.760.000)
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b		20.000.000.000	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130			378.571.195.804	227.828.141.524
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3		61.017.269.882	109.780.942.316
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4		325.324.480	117.930.532.899
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5		317.448.601.442	116.666.309
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4		(220.000.000)	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139			-	-
IV.	Hàng tồn kho	140			43.178.975.106	35.771.248.592
1.	Hàng tồn kho	141	V.6		43.178.975.106	35.771.248.592
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150			2.157.705.922	1.522.707.343
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a		1.648.982	56.113.476
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			2.156.056.940	1.465.593.867
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12		-	1.000.000
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155			-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Địa chỉ: Tầng 1, Lô B T5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Hiệp, Phường Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam

**BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>					
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210				
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211				
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212				
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213				
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214				
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215				
6. Phải thu dài hạn khác	216				
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219				
<b>II. Tài sản cố định</b>	220				
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8		13.228.711.883	19.658.757.218
Nguyên giá	222			9.598.065.579	12.767.422.606
Gia trị hao mòn lũy kế	223			(1.400.020.352)	(757.332.057)
2. Tài sản cố định tài chính	224			-	-
Nguyên giá	225			-	-
Gia trị hao mòn lũy kế	226			-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9		5.030.666.656	7.648.666.669
Nguyên giá	228			7.700.000.000	9.240.000.000
Gia trị hao mòn lũy kế	229			(2.669.333.344)	(1.591.333.331)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	230				
Nguyên giá	231			-	-
Gia trị hao mòn lũy kế	232			-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	240	V.10		12.902.154.320	24.087.916.679
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			12.902.154.320	24.087.916.679
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	250				
1. Đầu tư vào công ty con	251			-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	260	V.7b		1.546.808.342	1.995.715.128
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			1.546.808.342	1.995.715.128
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268			-	-
5. Lợi thế thương mại	269			-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	270			478.471.930.718	401.145.541.241

NGUỒN VỐN					
Mã	Thuyết	số	minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>					
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>310</b>		<b>74.026.443.629</b>	<b>8.503.779.216</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.11	32.958.392.874	3.971.826.709
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.12	395.213.899	1.214.509.722
4. Phải trả người lao động		314		1.562.610.029	1.766.472.416
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	V.13	64.858.904	380.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.14	664.024.967	289.627.413
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	V.15	37.810.000.000	310.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		526.250.000	526.250.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		45.092.956	45.092.956
13. Quỹ bình ổn giá		323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>330</b>		-	<b>175.157.445</b>
1. Phải trả người bán dài hạn		331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn		333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn		335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác		337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi		339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi		340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		-	175.157.445
12. Dự phòng phải trả dài hạn		342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343		-	-

NGUỒN VỐN		
Mã	Thuyết	
số	minh	

**D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>404.445.487.089</b>	<b>392.466.604.580</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		296.999.910.000	296.999.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		296.999.910.000	296.999.910.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		18.918.962.963	18.918.962.963
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		195.900.595	195.900.595
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		77.101.815.587	64.830.635.986
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		64.830.635.986	57.839.226.671
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.271.179.601	6.991.409.315
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		11.228.897.944	11.521.195.036
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>478.471.930.718</b>	<b>401.145.541.241</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lập, ngày 21 tháng 10 năm 2025



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã	Thuyết	Năm nay	Năm trước
	số	minh			
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01			102.341.727.366	108.488.431.236
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			102.455	559.312.291
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1		102.341.624.911	107.929.118.945
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2		81.895.831.596	88.937.979.169
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20			20.445.793.315	18.991.139.776
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3		4.715.711.921	4.424.923
7. Chi phí tài chính	22	VI.4		2.495.542.973	44.477.000
Trong đó: chi phí lãi vay	23			2.495.503.260	-
8. Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5		1.156.163.470	1.157.637.276
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6		8.146.824.269	9.434.098.790
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30			13.362.974.524	8.359.351.633
12. Thu nhập khác	31	VI.7		2.426.280	30.497.086
13. Chi phí khác	32	VI.8		783.095.936	127.199.640
14. Lợi nhuận khác	40			(780.669.656)	(96.702.554)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50			12.582.304.868	8.262.649.079
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9		305.072.826	1.140.682.775
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			-	175.157.445
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60			12.277.232.042	6.946.808.859
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61			12.271.179.601	6.991.409.315
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			6.052.441	(44.600.456)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10		413	295
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10		413	295

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bùi Thị Trang

Lê Văn Mạnh



Lập, ngày 21 tháng 10 năm 2023

Giám đốc



**BẢO CẢO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẬT**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết	số minh	Năm nay	Năm trước
----------	-----------	---------	---------	-----------

**I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**

1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.582.304.868	8.262.649.079	
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.288.740.370	2.296.896.920	
- Các khoản dự phòng	03	220.039.713	-	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại				
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(220.684.700)	-	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.221.693.889)	(28.000.736)	
- Chi phí lãi vay	06	2.495.503.260	4.736.986	
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				
trước thay đổi vốn lưu động	08	13.144.209.622	10.536.282.249	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(170.452.353.404)	(25.115.611.172)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(7.486.980.761)	33.270.803.986	
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	30.460.101.552	(25.541.754.550)	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	375.548.670	111.368.650	
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-	
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.430.644.356)	(4.736.986)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.140.682.775)	(191.063.910)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(37.037.037)	
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20	(137.530.801.452)	(6.971.748.770)	


**II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**


1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(529.599.164)	(11.421.694.215)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				
- Tiền thu từ bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.900.000.000	80.069	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác				
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(40.000.000.000)	-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	20.000.000.000	-	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	31.647.197.560	-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.618.567.353	27.920.667	
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	16.636.165.749	(11.393.693.479)	


CHỈ TIÊU	Mã Thuyết	số minh	Năm nay	Năm trước
----------	-----------	---------	---------	-----------

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	99.969.970.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	37.810.000.000	450.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(310.000.000)	(340.000.000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(80.107.272)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>37.500.000.000</b>	<b>99.999.862.728</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(83.394.635.703)</b>	<b>81.634.420.479</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>90.281.015.044</b>	<b>8.646.594.565</b>	<b>-</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>6.886.379.341</b>	<b>90.281.015.044</b>	<b>-</b>

Người lập biểu  
  
Phạm Thị Bích Liên

Kế toán trưởng  
  
Bùi Thị Trang

Lập, ngày 21 tháng 10 năm 2025  
Giám đốc  
  
Lê Văn Mạnh

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Địa chỉ: Tầng 1, Lô B/T5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam.  
BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## BẢN THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh : Kinh doanh thương mại, dịch vụ; Trang thiết bị y tế và hóa chất xét nghiệm y tế
- Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vinam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102174005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 20 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần thay đổi lần thứ 20 được cấp ngày 28 tháng 09 năm 2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 20: 296.999.910.000 đồng  
Vốn thực góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 296.999.910.000 đồng

### Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Tầng 1, Lô B/T5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : 0243.6343085  
Fax : 0243.5626613  
Mã số thuế : 0102174005

### 4. Ngành nghề kinh doanh :

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động kinh kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Chi tiết: - Lập hồ sơ dự thầu, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, kỹ thuật thi công các dự án xây dựng bao gồm: dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước. - Lập, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo tiền khả thi và báo cáo đầu tư các dự án; - Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- Chi tiết: - Buôn bán hàng tạp phẩm, điện tử, tin học, thiết bị vật tư, phương tiện vận tải;

### 5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Địa chỉ: Tầng 1, Lô B/T5 - Ô số 36, Khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Hiếp, Phường Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam.  
BẢO CẢO TẠI CHỖ NHẬP NHẬT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC**

Số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022.

**7. Nhân viên.**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 39 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 56 nhân viên).

**8. Cấu trúc doanh nghiệp:**

a, Công ty con sở hữu trực tiếp

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hà Long Tokyo	Lô A15, Cụm CN Nam Sơn, Xã Nam Sơn, Huyện Ba Chẽ, Tỉnh Quảng Ninh	99,88%	99,88%	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.
Công ty TNHH Vinam Vang Ang (*)	Tổ dân phố Đông Trĩnh, phường Kỳ Trĩnh, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh	100%	100%	Kinh doanh thương mại dịch vụ chế biến bảo quản thực phẩm.
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn	03 Phan Văn Đạt, P.Bến Nghé, Q.1, TP Hồ Chí Minh	81,20%	81,20%	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.
Công ty Cổ phần Công nghệ G7	Khu Công nghiệp Sông Hậu - Giai đoạn 1, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang	98%	98%	Hoạt động chính là sản xuất kinh doanh chế biến thuốc được phẩm thực phẩm chức năng các loại.
Công ty Cổ phần Phòng khám Ba Đình	Số 37A Dốc Phú sản, đường Đê La Thành, Phường Ngoc Khánh, Quận Ba Đình, TP Hà Nội	98%	98%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
Công ty Cổ phần Sản xuất Phần mềm Vinam	Phòng số 302 tầng 3, Tòa tháp Tây chung cư thuộc dự án khu nhà ở căn bộ Học viện Quốc phòng, P.Xuân La, Q.Tây Hồ, TP Hà Nội	98%	98%	Lập trình máy vi tính.
Công ty TNHH Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ Y học (*)	Số 3 phố Cầu Đất, Thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ.	100%	100%	Bán máy móc thiết bị, nông lâm sản, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế.

(\*) Tại ngày 31/12/2023 không còn là công ty con  
Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Địa chỉ: Tầng 1, Lô B/T5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Hiệp, Phường Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam.  
 BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**b, Công ty con số hữu gián tiếp:**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu quyết	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Làng Sơn Tokyo	Lô M3, Cụm công nghiệp địa phương số 2, Xã Hợp Thành, Huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn	80,39% 80,39%	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Mông Cai Tokyo	Khu 7, Phường Hải Yên, Thành phố Mông cai, Tỉnh Quảng Ninh	98,88% 98,88%	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Hoạt động của các phòng khám đa khoa, nha khoa, chuyên khoa chuẩn đoán hình ảnh, chuyên khoa xét nghiệm
Công ty Cổ phần Phòng khám Nguyễn Thái Sơn (*)	174 Nguyễn Thái Sơn, Phường 4, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.	96,04% 96,04%	(từ lưu trữ bệnh nhân)

(\*) Tài ngày 31/12/2023 không còn là công ty con  
 Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường.

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- Năm tài chính**  
 Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**III. CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- Chuẩn mực kế toán áp dụng**  
 Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
 Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Địa chỉ: Tầng 1, Lô B75 - O số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam.  
BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

- Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thông nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ từ khi chỉ phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nằm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong vốn chủ sở hữu qua phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.



**4. Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra.

**Chứng khoán kinh doanh**

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lợi.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau: Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).

Tiền lai, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lai, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì phiên giao dịch trước liên kết với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phân ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phân ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tồn thất để lập dự phòng.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho là hàng hóa được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tàng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty là chi phí công cụ dụng cụ.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định  
Máy móc và thiết bị

Số năm  
06-10



**9.**

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh sản cố định vô hình phát sinh thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

**Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm mua sẵn là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm mua sẵn là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm mua sẵn tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

**10.**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**11.**

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trả trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**12.**

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính**

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuế tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuế tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuế tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuế tài chính, tổng số nợ thuế phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;  
- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;  
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.  
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

**13.**

**Vốn chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông

**Thăng dư vốn cổ phần**

Thăng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thẳng dư vốn cổ phần.

**Vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tăng, biểu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

**14.**

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ năm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả có tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

**Các quỹ khác**

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm

**15.**

**Ghi nhận doanh thu và thu nhập**  
**a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.



- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại để lấy hàng hoá, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

- Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
  - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
  - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
  - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**c) Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**d) Cost và lợi nhuận được chia**

Cost và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận có tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cost được nhận bằng cost phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cost phiếu nhận được theo mệnh giá.

**16. Giá vốn hàng bán.**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

**17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

**18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bao hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...



Chỉ phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê mướn bãi; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí băng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

## 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty con là Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7 hoạt động kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn. Theo quy định tại điểm a, khoản 15 và điểm a, khoản 1, Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp sửa đổi bổ sung theo khoản 16, điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ. Theo quy định nêu trên sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm (kể từ năm 2021 đến năm 2024), giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2025 và áp dụng thuế suất 10% cho 15 năm kể từ năm 2021.

Công ty con là Công ty Cổ phần Sản xuất phần mềm Vinam hoạt động kinh doanh sản xuất sản phẩm phần mềm máy tính. Theo quy định tại điểm b, khoản 1, khoản 6, điều 15 và khoản 4, điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp sửa đổi bổ sung theo khoản 16, điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ. Theo quy định nêu trên sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm (kể từ năm 2021 đến năm 2024), giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2025 và áp dụng thuế suất 10% cho 15 năm kể từ năm 2021.

## 20. Công cụ tài chính

### 1. Tài sản tài chính

#### **Phân loại tài sản tài chính**

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*  
Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nắm giữ để kinh doanh nếu được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu: Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:  
• Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;  
• Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;  
• Công cụ tài chính phải sinh (ngoài trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## **ii. Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân loại là các khoản nợ tài chính phi phái sinh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc xếp vào nhóm phần ảnh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc xếp vào nhóm phần ảnh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân loại*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân loại được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, trừ về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Địa chỉ: Tầng 1, Lô B T5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Hiếp, Phường Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam.

**BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành công các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

**iii. Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**21. Bảo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**22. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

## 1. Tiến và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt	6.455.540.359	Số cuối năm
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	430.838.982	Số đầu năm
Cộng	6.886.379.341	90.281.015.044

Tiền mặt  
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn  
Công

**2. Các khoản đầu tư tài chính**  
**a, Chứng khoán kinh doanh**

Số cuối năm	Gia gốc	Gia trị hợp lý	Dự phòng	Gia gốc	Gia trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	35.799.713	-	(35.799.713)	35.799.713	39.713	(35.760.000)
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giảng (BGM)	35.799.713	-	(35.799.713)	35.799.713	39.713	(35.760.000)
Cộng	35.799.713	-	(35.799.713)	35.799.713	39.713	(35.760.000)

La khoản đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang, mà chứng khoán BGM với mục đích để bán thu lợi nhuận. Mã chứng khoán này bị hủy giao dịch trên thị trường chứng khoán.

**b, Đầu tư năm giữ đến ngày đảo hạn**



**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Gia trị Dư phòng	Gia trị Dư phòng
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>61.017.269.882</b>	<b>109.780.942.316</b>
Công ty Cổ phần Đầu Tư Kỹ Thuật Cao Cẩn	2.286.564.000	-
Thor	-	-
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm và	16.023.000.000	-
Môi trường Cần Thơ	-	-
Công ty Cổ phần Dầu Tur Lou	8.508.102.000	-
Công ty Cổ phần Dầu Tur Bệnh Viện Sara	-	66.714.708.262
Công ty TNHH Kyoto F&B	15.303.982.000	-
Công ty Cổ phần trang thiết bị vật tư y tế	6.128.007.720	12.830.772.418
Phuong Nam	-	-
Công ty Cổ phần Phòng Khám Healthcare	-	2.372.982.174
Nam Sài Gòn	-	-
Công ty Cổ phần Phòng Khám Medicare Tô	-	2.372.982.174
Hiện Thành	-	2.372.982.174
Công ty Cổ phần Omega Việt Nam	1.796.932.593	1.031.095.056
Công ty Cổ phần Thực phẩm chế biến Nhật	-	7.278.322.500
Phu Nguyên	-	5.548.293.450
JWB Co.,Ltd	-	2.774.262.300
Kyoto F&B Co., Ltd	-	2.648.904.982
Công ty TNHH Thương mại AT & T	5.072.285.369	-
Công ty TNHH Thiết bị Y học Nhật	-	4.514.680.000
Công ty TNHH Môi trường y tế Công nghệ	5.405.400.000	-
Cao	-	-
Các khách hàng khác	492.996.200	1.693.939.000
<b>Cộng</b>	<b>61.017.269.882</b>	<b>109.780.942.316</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Gia trị Dư phòng	Gia trị Dư phòng
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>325.324.480</b>	<b>117.930.532.899</b>
Công ty Cổ phần Thực phẩm chế biến	-	29.110.322.543
Nhật Phú Nguyên	-	-
Công ty TNHH Môi trường y tế Công	-	24.375.000.000
nghe Cao	-	22.188.438.356
Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản	-	-
Công ty Cổ phần Dầu Tur Thương Mại	-	3.000.000.000
Mây Nông Nghiệp Hoà Bình	-	-
Công ty TNHH Công trình và Thiết bị	-	38.650.000.000
Kỹ thuật Miền Nam	-	606.772.000
Các nhà cung cấp khác	325.324.480	(220.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>325.324.480</b>	<b>117.930.532.899</b>

**5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

Số cuối năm		Số đầu năm	
Gia trị	Dự phòng	Gia trị	Dự phòng
69.307.400	-	-	-
<i>Phải thu các bên liên quan</i>			
Ông Nguyễn Trần Tú - Tạm ứng	69.307.400	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>			
317.379.294.042	-	116.666.309	-
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	975.953	-	-
Tạm ứng	12.449.000	23.666.309	-
Lãi tiền gửi và cho vay	244.520.546	-	-
Ký cược, ký quỹ	15.000.000	93.000.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm chế biến	-	-	-
Nhật Phú Nguyễn (*)	17.363.378.543	-	-
Công ty TNHH Thiết Bị Y Học Nhật	-	-	-
(*)	30.650.000.000	-	-
Công ty TNHH Môi trường y tế Công	-	-	-
nghe Cao (*)	37.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Tâm Xét	-	-	-
Nghiêm Và Môi Trường Cần Thơ (*)	17.485.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản (*)	34.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần đầu tư Bệnh viện	-	-	-
Saka (*)	39.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại	101.719.970.000	-	-
Máy Nông Nghiệp Hoà Bình (*)	-	-	-
Công ty CP đầu tư LOU (*)	17.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật cao	21.888.000.000	-	-
Cần Thơ (*)	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>317.448.601.442</b>	<b>116.666.309</b>	<b>-</b>

(\*) Là khoản ứng trước nhằm mục đích mua máy móc, phần mềm, thiết bị Y tế phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên do quá hạn thời gian cung cấp máy, các bên đã di đến hủy hợp đồng và hoàn trả lại tiền. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đã thu hồi lại toàn bộ số tiền đã ứng trên.

**6. Hàng tồn kho**

Số cuối năm		Số đầu năm	
Gia trị	Dự phòng	Gia trị	Dự phòng
59.283.475	-	79.254.247	-
<i>Nguyên liệu, vật liệu</i>			
-	-	37.962.963	-
<i>Công cụ, dụng cụ</i>			
43.119.691.631	-	35.654.031.382	-
<i>Hàng hóa</i>			
43.178.975.106	-	35.771.248.592	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Địa chỉ: Tầng 1, Lô BTS - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Hiệp, Phường Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7.

**Chi phí trả trước**

**a, Chi phí trả trước ngắn hạn**

Công  
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác

Số cuối năm  
1.648.982

Số đầu năm  
56.113.476

**b, Chi phí trả trước ngắn hạn**

Tiền thuê đất  
Chi phí quyền tác giả  
Công cụ dụng cụ  
Các chi phí trả trước dài hạn khác  
Công

Số cuối năm  
1.290.334.605  
44.537.856  
208.690.789  
3.245.092  
1.546.808.342

Số đầu năm  
1.320.794.961  
242.413.494  
2.276.794  
430.229.879  
1.995.715.128

8.

**Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá  
Số đầu năm  
Mua trong năm  
Đầu tư XD/CB hoàn thành  
Thanh lý, nhượng bán  
Giảm do thoái vốn  
Trong đó:  
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Máy móc thiết bị  
12.767.422.606  
388.215.000  
265.271.269  
(2.400.000.000)  
(1.422.843.296)  
9.598.065.579

Công  
12.767.422.606  
388.215.000  
265.271.269  
(2.400.000.000)  
(1.422.843.296)  
9.598.065.579

Giá trị hao mòn  
Số đầu năm  
Khấu hao trong năm  
Thanh lý, nhượng bán  
Giảm do thoái vốn  
Số cuối năm

757.332.057  
954.073.695  
(226.666.668)  
(84.718.732)  
1.400.020.352

757.332.057  
954.073.695  
(226.666.668)  
(84.718.732)  
1.400.020.352

Giá trị còn lại  
Số đầu năm  
Số cuối năm

12.010.090.549  
8.198.045.227

12.010.090.549  
8.198.045.227

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Địa chỉ: Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, Khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	9.240.000.000	9.240.000.000
Mua trong năm	-	-
Giảm do thoái vốn	(1.540.000.000)	(1.540.000.000)
Số cuối năm	7.700.000.000	7.700.000.000
Trong đó:		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	1.591.333.331	1.591.333.331
Khấu hao trong năm	1.334.666.675	1.334.666.675
Giảm do thoái vốn	(256.666.662)	(256.666.662)
Số cuối năm	2.669.333.344	2.669.333.344
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	7.648.666.669	7.648.666.669
Số cuối năm	5.030.666.656	5.030.666.656

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm do thoái vốn	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	24.087.916.679	130.054.364	(265.271.269)	(11.050.545.454)	12.902.154.320
Hệ thống PACS tại các Trung tâm Y tế, Bệnh viện	8.935.665.865	113.298.000	-	-	9.048.963.865
Máy móc thiết bị tại các phòng khám	14.456.207.727	-	-	(11.001.545.454)	3.454.662.273
Mua sắm TSCĐ khác	297.514.905	16.756.364	(265.271.269)	(49.000.000)	-
Xây dựng nhà xưởng sản xuất thực phẩm chức năng tại KCN Nam Sơn xã Ba Chẽ:	398.528.182	-	-	-	398.528.182
Mua sắm TSCĐ	54.980.000	-	-	-	54.980.000
Xây dựng nhà xưởng	343.548.182	-	-	-	343.548.182
Cộng	24.087.916.679	130.054.364	(265.271.269)	(11.050.545.454)	12.902.154.320



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Địa chỉ: Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam.

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 11. Phải trả người bán ngắn hạn

<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sản Xuất Kinh Doanh Dược Và Trang	32.958.392.874	3.971.826.709
Thiết Bị Y Tế Việt Mỹ	19.471.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Bệnh Viện Việt Mỹ	7.217.100.000	1.412.899.619
Công ty TNHH Thực phẩm chế biến Miraco	-	627.272.730
Công ty TNHH IVFTECH	1.018.159.200	531.193.517
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Cysina Việt Pháp	1.254.956.000	349.633.500
JWB CO., LTD	-	237.952.000
Công ty Liên Doanh Kho Lạnh Panasato	-	142.742.077
Công ty Cổ phần Sara Việt Nam	2.881.440.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.115.737.674	670.133.266
<b>Cộng</b>	<b>32.958.392.874</b>	<b>3.971.826.709</b>

### 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	1.813.000-	(1.813.000)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	34.212.000	(34.212.000)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.140.682.775	-	305.072.826	(1.140.682.775)	305.072.826	-
Thuế thu nhập cá nhân	73.826.947	-	193.024.118	(172.376.660)	90.141.073	-
Các loại thuế khác	-	1.000.000	24.000.000	(23.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.214.509.722</b>	<b>1.000.000</b>	<b>558.121.944</b>	<b>(1.372.084.435)</b>	<b>395.213.899</b>	<b>-</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu bán vật tư, thiết bị y tế
- Doanh thu cung cấp dịch vụ xét nghiệm, chiếu, chụp liên kết với các bệnh viện
- Các hoạt động khác

5%  
 không chịu thuế  
 8%, 10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty con là Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7 hoạt động kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, theo quy định tại điểm a, khoản 15 và điểm a, khoản 1, Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp được sửa đổi bổ sung theo khoản 16, điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ. Theo quy định nêu trên sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2025 và áp dụng thuế suất 10% cho 15 năm kể từ năm 2021.

Công ty con là Công ty Cổ phần Sản xuất phẩm mềm Vinam hoạt động kinh doanh sản xuất sản phẩm phần mềm máy tính. Theo quy định tại điểm b, khoản 1, khoản 6, điều 15 và khoản 4, điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp được sửa đổi bổ sung theo khoản 16, điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ. Theo quy định nêu trên sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2025 và áp dụng thuế suất 10% cho 15 năm kể từ năm 2021.

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Số cuối năm	Số đầu năm
64.858.904	380.000.000
-	380.000.000
64.858.904	380.000.000

Chi phí lãi vay phải trả  
 Các chi phí phải trả ngắn hạn khác

**Công**

**14. Phải trả ngắn hạn khác**

Số cuối năm	Số đầu năm
664.024.967	289.627.413
14.458.802	241.339.210
642.783.722	-
-	1.712.585
-	3.384.756
6.782.443	32.321.862
-	10.869.000
664.024.967	289.627.413

Kinh phí công đoàn  
 Bảo hiểm xã hội  
 Bảo hiểm y tế  
 Bảo hiểm thất nghiệp  
 Phải trả cổ tức nhận thừa  
 Các khoản phải trả ngắn hạn khác

**Công**



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Địa chỉ: Tầng 1, Lô B T5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. **Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Số cuối năm	Số đầu năm
Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ
Gia trị	Gia trị
năng trả nợ	tư nợ
-	-
37.810.000.000	37.810.000.000
Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội (1)	-
Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội (2)	-
Vay ngân hàng các cá nhân	310.000.000
Cộng	310.000.000

(1) Khoản vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội theo Hợp đồng cấp tín dụng số 01/8989187/2023/HBTD ngày 06 tháng 03 năm 2023. Mục đích sử dụng là để bổ sung vốn lưu động, bao lãnh thanh toán, mở L/C. Hạn mức cho vay 15.000.000.000 VND và thời gian cấp hạn mức là 12 tháng. Lãi suất cho vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Tài sản bảo đảm là nhà biệt thự hàng 3, năm XD: 2007 tại Lô BTS – Ô số 35, khu đô thị mới Pháp Vân – Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số AO/706990, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: 02282/1991/QĐ-UB, do UBND quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội cấp ngày 12/08/2009; MS: 10125433898 mang tên ông Lê Văn Hường. Giá trị tài sản thế chấp: 20.152.000.000 VND theo Biên bản định giá ngày 27/02/2023.

(2) Khoản vay ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng cấp tín dụng số 1029/23/TD/SM/011 ngày 06 tháng 07 năm 2023. Mục đích sử dụng là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức cho vay 24.000.000.000 VND và thời gian cấp hạn mức là 12 tháng. Lãi suất cho vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo là:

+ Hợp đồng thế chấp bất động sản số 1029.1/23/TC/SM/011 ngày 06/07/2023, tài sản bảo đảm là căn hộ chung cư số 1510 tại ĐN1 – OCT1 khu BTM Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CH 001561, số vào sổ cấp GCN: CS 07208 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 09/03/2017 cho ông Lê Văn Hùng và bà Nguyễn Phương Hạnh. Giá trị tài sản đảm bảo là 2.213.000.000 VND.

+ Hợp đồng thế chấp bất động sản số 1029.2/23/TC/SM/011 ngày 06/07/2023, tài sản bảo đảm là căn hộ chung cư số 404 tại ĐN1 – OCT1 khu BTM Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CH 001562, số vào sổ cấp GCN: CS 07207 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 09/03/2017 cho ông Lê Văn Hùng và bà Nguyễn Phương Hạnh. Giá trị tài sản đảm bảo là 2.767.000.000 VND.

+ Hợp đồng thế chấp bất động sản số 1029.4/23/TC/SM/011 ngày 25/07/2023, tài sản bảo đảm là nhà biệt thự hàng 3, năm XD: 2007 tại Lô BTS – Ô số 17, khu đô thị mới Pháp Vân – Từ Hiếp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số AO 706988, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Số GCN: 02281/1991/QĐ-UB, do Ủy ban nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội cấp ngày 12/08/2009 cho bà Nguyễn Phương Hạnh. Giá trị tài sản đảm bảo là 30.140.000.000 VND.

Chỉ tiết phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
-	15.000.000.000	-	15.000.000.000
-	22.810.000.000	-	22.810.000.000
310.000.000	-	(310.000.000)	-
310.000.000	37.810.000.000	(310.000.000)	37.810.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Địa chỉ: Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**16. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	197.999.940.000	18.956.000.000	195.900.595	57.839.226.671	10.575.902.764	285.566.970.030
Tăng vốn trong năm trước	98.999.970.000	-	-	-	1.070.000.000	100.069.970.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	6.991.409.315	(44.600.456)	6.946.808.859
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(80.107.272)	(80.107.272)
Giảm khác	-	(37.037.037)	-	-	-	(37.037.037)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>296.999.910.000</b>	<b>18.918.962.963</b>	<b>195.900.595</b>	<b>64.830.635.986</b>	<b>11.521.195.036</b>	<b>392.466.604.580</b>
Số dư đầu năm nay	296.999.910.000	18.918.962.963	195.900.595	64.830.635.986	11.521.195.036	392.466.604.580
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	12.271.179.601	6.052.441	12.277.232.042
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(2.402.883)	(2.402.883)
Tăng, giảm do hợp nhất	-	-	-	-	(295.946.650)	(295.946.650)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>296.999.910.000</b>	<b>18.918.962.963</b>	<b>195.900.595</b>	<b>77.101.815.587</b>	<b>11.228.897.944</b>	<b>404.445.487.089</b>

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ năm giữ	Giá trị	Tỷ lệ năm giữ
Ông Lê Đức Khanh	9.500.000.000	3,20%	9.500.000.000	3,20%
Ông Nguyễn Mạnh Cường	18.000.000.000	6,06%	18.000.000.000	6,06%
Ông Nguyễn Minh Tuấn	20.000.000.000	6,73%	20.000.000.000	6,73%
Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhung	14.951.000.000	5,03%	14.951.000.000	5,03%
Các cổ đông khác	234.548.910.000	78,97%	234.548.910.000	78,97%
<b>Cộng</b>	<b>296.999.910.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>296.999.910.000</b>	<b>100,00%</b>



Địa chỉ: Tầng 1, Lô B75 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Số cuối năm		Số đầu năm	
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	29.699.991	29.699.991	29.699.991
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.699.991	29.699.991	29.699.991
-	-	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	29.699.991	29.699.991	29.699.991
-	-	-	-
Cổ phiếu phổ thông	29.699.991	29.699.991	29.699.991
-	-	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	29.699.991	29.699.991	29.699.991
-	-	-	-
Cổ phiếu phổ thông	29.699.991	29.699.991	29.699.991

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

## Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng hóa	91.365.547.406	94.820.865.486
Doanh thu bán thành phẩm	10.632.000.000	2.548.410.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	344.179.960	11.119.155.750
Các khoản giảm trừ doanh thu	(102.455)	(559.312.291)
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>102.341.624.911</b>	<b>107.929.118.945</b>
<b>Năm nay</b>		<b>Năm trước</b>

**Công**  
Giá vốn của hàng hóa đã bán  
Giá vốn của thành phẩm đã bán  
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp

Lại tiền gửi, lại cho vay  
Cổ tức, lợi nhuận được chia  
Lại chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền  
tệ có gốc ngoại tệ  
Lại chuyển nhượng công ty con

Chỉ phí lái vay  
Lũ chênh lệch tỷ giá phát sinh  
Lũ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền  
tệ có gốc ngoại tệ  
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

# CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Địa chỉ: Tầng 1, Lô B T5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Hiệp, Phường Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam.

BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## 5. Chi phí bán hàng

### Công

Chi phí cho nhân viên  
Chi phí dịch vụ mua ngoài  
Các chi phí khác

Năm nay	Năm trước
762.420.609	807.155.472
384.702.857	5.800.000
9.040.004	344.681.804
<b>1.156.163.470</b>	<b>1.157.637.276</b>

## 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

### Công

Chi phí cho nhân viên  
Chi phí đồ dùng văn phòng  
Chi phí khấu hao tài sản cố định  
Thuế, phí và lệ phí  
Chi phí dịch vụ mua ngoài  
Các chi phí khác

Năm nay	Năm trước
4.287.728.876	4.114.952.517
404.295.879	31.639.420
2.385.435.878	1.891.948.586
32.147.916	35.016.137
625.411.474	2.212.733.542
411.804.246	1.147.808.588
<b>8.146.824.269</b>	<b>9.434.098.790</b>

## 7. Thu nhập khác

Thu nhập khác

### Công

## 8. Chi phí khác

Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định  
Phát vi phạm hành chính  
Phát chậm nộp thuế, bảo hiểm  
Chi phí khác  
Cộng

Năm nay	Năm trước
273.333.332	-
60.000.000	63.694.868
235.102.065	10.404.930
214.660.539	53.099.842
<b>783.095.936</b>	<b>127.199.640</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Địa chỉ: Tầng 1, Lô B-T5, Khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**9.**

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

**Năm nay**

12.582.304.868

8.262.649.079

**Năm trước**

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để  
xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Các khoản điều chỉnh tăng

Khấu hao TSCĐ không phục vụ SXKD

Chi phí lãi vay không được trừ

Chi phí không hợp lệ

Lỗi các công ty quyết toán riêng

- Các khoản điều chỉnh giảm

Lãi do chuyển nhượng công ty con

Ảnh hưởng dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con

khí hợp nhất

Cổ tức, lợi nhuận được chia

Điều chỉnh khác

Thu nhập chịu thuế

Thu nhập được miễn thuế

Lỗi các năm trước được chuyển

Thu nhập tính thuế

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất

phổ thông

Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của

các năm trước

Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

305.072.826

1.315.840.220

**10.**

**Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phần bỏ cho cổ đông sở hữu

cổ phiếu phổ thông:

Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

413

295

29.699.991

23.714.831

12.271.179.601

6.991.409.315

**Năm nay**

12.271.179.601

6.991.409.315

**Năm trước**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm

Ảnh hưởng của việc bán cổ phiếu quỹ

Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tăng trong năm

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân

29.699.991

23.714.831

-

3.914.837

-

-

29.699.991

19.799.994

**Năm nay**

**Năm trước**

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.644.934.190	7.122.039.057
Chi phí nhân công	5.396.826.464	4.922.107.989
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.288.740.370	2.067.145.401
Thuế, phí và lệ phí	32.147.916	35.016.137
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.757.822.505	2.208.604.433
Chi phí khác	446.736.570	1.735.060.695
<b>Cộng</b>	<b>11.567.208.015</b>	<b>18.089.973.712</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Doanh nghiệp bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Lãnh đạo, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

	Năm nay	Năm trước
Ông Đặng Việt Thăng – Giám đốc (miễn nhiệm 15/09/2023)	351.500.000	210.000.000
Ông Lê Văn Mạnh – Giám đốc	60.000.000	-
Phạm Xuân Lăng – kế toán trưởng	233.000.000	-

*Trong năm, đơn vị không phát sinh giao dịch với bên liên quan.*

**B, Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Doanh nghiệp và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Doanh nghiệp và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp gồm:**

Mối quan hệ	Ông Nguyễn Trần Tu	Giám đốc công ty con
-------------	--------------------	----------------------

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Ông Nguyễn Trần Tu</b>		
Phải thu tiền tạm ứng	151.152.400	-
Thu tiền tạm ứng	81.845.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với bên liên quan được trình bày chi tiết tại thuyết minh số V.5./.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Địa chỉ: Tầng 1, Lô BTS - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Liêm, Phường Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam.

BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**C, Tài sản đảm bảo**

**Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác**

Công ty sử dụng các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ 3 thuộc sở hữu của Ông Lê Văn Hường và bà Nguyễn Phương Hạnh để đảm bảo cho khoản vay tại các ngân hàng (chỉ tiết tại thuyết minh số V.15).

Tên tài sản đảm bảo	Giá trị tài sản đảm bảo
---------------------	-------------------------

Biệt thự hàng 3, năm XD: 2007 tại Lô BTS - Ô số 35, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Liêm, phường Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	20.152.000.000 VND
Căn hộ chung cư số 1510 tại DN1 - OCT1 khu DTM Bắc Linh Đàm, phường Đai Kim, thành phố Hà Nội	2.213.000.000 VND
Căn hộ chung cư số 404 tại DN1 - OCT1 khu DTM Bắc Linh Đàm, phường Đai Kim, thành phố Hà Nội	2.767.000.000 VND
Nhà biệt thự hàng 3, năm XD: 2007 tại Lô BTS - Ô số 17, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Liêm, phường Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	30.140.000.000 VND

**2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

**A, Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:  
+ Lĩnh vực thương mại trang thiết bị máy móc và hóa chất y tế  
+ Lĩnh vực sản xuất cà phê sạch  
+ Lĩnh vực dịch vụ lưu kho hàng lạnh

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Địa chỉ: Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam.  
BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Lĩnh vực thương mại trang thiết bị máy móc và hóa chất y tế				Lĩnh vực sản xuất cà phê sạch		Lĩnh vực dịch vụ cung cấp dịch vụ lưu kho hàng lạnh		Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	91.365.444.951	-	10.632.000.000	-	344.179.960	-	102.341.624.911	-	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	91.365.444.951	10.632.000.000	344.179.960	102.341.624.911					
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(79.631.611.320)	(1.920.040.316)	(344.179.960)	(81.895.831.596)	20.445.793.315	(9.302.987.739)	11.142.805.576	4.715.711.921	
Chi phí bộ phận							(2.495.542.973)	2.426.280	
Kết quả kinh doanh theo bộ phận							(783.095.936)	(305.072.826)	
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận									
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh									
Doanh thu hoạt động tài chính									
Chi phí tài chính									
Thu nhập khác									
Chi phí khác									
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành									
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại									
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp									
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác									605.958.795
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn									2.944.061.151



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Địa chỉ: Tầng 1, Lô B T5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Hiếp, Phường Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam.  
 BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
 Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**B, Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu).  
 Chi tiết doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

Năm nay	Khu vực nội địa	Khu vực xuất khẩu	Cộng
90.020.352.366		12.321.375.000	102.341.727.366

**3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.886.379.341	90.281.015.044	6.886.379.341
Chứng khoán kinh doanh	-	39.713	-
Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Phải thu khách hàng	61.017.269.882	109.780.942.316	61.017.269.882
Các khoản phải thu khác	317.448.601.442	317.448.601.442	116.666.309
<b>Cộng</b>	<b>405.352.250.665</b>	<b>200.178.663.382</b>	<b>405.352.250.665</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Vay và nợ	37.810.000.000	310.000.000	37.810.000.000
Phải trả người bán	32.958.392.874	3.971.826.709	32.958.392.874
Các khoản phải trả khác	2.817.743.900	2.962.349.829	2.817.743.900
<b>Cộng</b>	<b>73.586.136.774</b>	<b>72.44.176.538</b>	<b>73.586.136.774</b>
Các khoản phải trả khác			7.244.176.538

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

- Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:  
 khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngân hàng tương đương giá trị sổ sách (dã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn chưa niên yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

**4. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.  
 Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Địa chỉ: Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, Khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Hiệp, Phường Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam.

BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**Phải thu khách hàng**

Công ty giám sát rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đón đầu thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**5. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	37.810.000.000	-	-	37.810.000.000
Phải trả người bán	32.958.392.874	-	-	32.958.392.874
Các khoản phải trả khác	2.817.743.900	-	-	2.817.743.900
<b>Cộng</b>	<b>73.586.136.774</b>	-	-	<b>73.586.136.774</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	310.000.000	-	-	310.000.000
Phải trả người bán	3.971.826.709	-	-	3.971.826.709
Các khoản phải trả khác	2.962.349.829	-	-	2.962.349.829
<b>Cộng</b>	<b>7.244.176.538</b>	-	-	<b>7.244.176.538</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đảo hạn.

**6. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Địa chỉ: Tầng 1, Lô B/T5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tư Hiệp, Phường Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam.  
BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.  
Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.  
Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Nhân biết sự phát triển chung của xã hội, cũng như xu hướng phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế, nhu cầu nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe định kỳ tại Việt Nam ngày càng cao, năm 2024, Công ty Cổ phần Vinam (CVN) thay đổi các hoạt động chiến lược chuyển đổi từ ngành hàng thực phẩm và chuyển hướng kinh doanh sang tập trung vào phát triển các trung tâm xét nghiệm, trung tâm tiêm và truyền dịch. Xem xét tới ưu, cơ cầu lại các dự án không đạt hiệu quả, tập trung tới đa nguồn lực cho những dự án tiềm năng đã triển khai. Công ty hợp tác cùng các đối tác triển khai mạnh mẽ hệ thống các phòng khám xét nghiệm với các trang thiết bị đa dạng như: xét nghiệm huyết học, sinh hóa, miễn dịch, tầm soát ung thư, chuẩn đoán sớm, ..., cung cấp các dịch vụ trung và cao cấp cho những khách hàng có mong muốn chăm sóc sức khỏe chủ động. Thiết kế các sản phẩm dễ tiếp cận, đa dạng đáp ứng mọi nhu cầu, mức giá hợp lý, hiện hữu ở khắp mọi nơi, sử dụng công nghệ 4.0 để đưa dịch vụ đến gần hơn với khách hàng. Văn đề này cũng đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

8.

Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO.

Một số chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2022 được điều chỉnh lại cụ thể như sau:

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**  
Lợi nhuận trước thuế  
Lợi nhuận từ hoạt động kinh  
doanh trước thay đổi vốn lưu  
động  
Tăng, giảm các khoản phải  
thu

03 23.615.550.732 (15.352.901.653) 8.262.649.079  
08 25.889.183.902 (15.352.901.653) 10.536.282.249  
09 (40.468.512.825) 15.352.901.653 (25.115.611.172)

Mã số  
đã kiểm toán năm  
Số liệu theo BCTC

trước  
điều chỉnh lại  
Số liệu

Số hiệu  
sau điều chỉnh

Kế toán trưởng

Bùi Thị Trang

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Liên

Giám đốc

Lê Văn Mạnh